

Số: **32** /2014/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **04** tháng **8** năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư
công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 ngày 21/11/2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD, ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên Bộ: Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/01/2013 của liên Bộ: Nông nghiệp và PTNT - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi cho Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 4/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về Chính sách phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020; Chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; Chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 133/TTr-SNN ngày 17/6/2014 và Báo cáo thẩm định số 1799/STP-VBQP ngày 15/7/2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, TP, TN&MT, XD, KHCN, CT;
- TT Thành uỷ; TT HĐND TP;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- UBMTTQ và các đoàn thể TP;
- HĐND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: Các đ/c PCVP, các Phòng CV;
- Đài PT&TH Hà Nội;
- Các báo: HNM, KTĐT, ANTĐ;
- Trung tâm THCB, Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, NNNT Quang (2 bản).

(để
báo
cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Việt

2152L - 160

QUY ĐỊNH

**Chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch
nông thôn thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2014/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn; hỗ trợ xử lý nước sạch hộ gia đình; hỗ trợ bù giá cho các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng nước sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng, điều kiện áp dụng

1. Đối với ưu đãi, hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn: Các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, cá nhân (sau đây gọi chung là các tổ chức, cá nhân hoặc là Nhà đầu tư) thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sạch tập trung theo quy hoạch tại các vùng nông thôn không thuận lợi hòa mạng cấp nước đô thị, có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có giấy chứng nhận đầu tư, có cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch phục vụ cộng đồng dân cư nông thôn đạt các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

2. Đối với hỗ trợ xử lý nước sạch hộ gia đình nông thôn: Các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các khu vực có nguồn nước bị ô nhiễm nặng và chưa được xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn trong giai đoạn đến năm 2020; có công trình cấp nước (giếng khoan, giếng đào, công trình khai thác, sử dụng nước mặt) và hệ thống bể chứa nước sạch theo quy định.

3. Đối với hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn: Các đơn vị cấp nước trong trường hợp phương án giá bán nước sạch do UBND thành phố Hà Nội phê duyệt thấp hơn phương án giá bán nước sạch được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành; Các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số khi bắt đầu sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước sạch tập trung.

Chương II

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

a) Các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn phải theo quy hoạch và đảm bảo các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn theo quy định nhằm nâng cao đời sống cộng đồng dân cư.

b) Trong cùng một thời gian, nếu các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì dự án được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

c) Tài sản được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, nguồn vốn ODA, vốn đóng góp của cộng đồng, hiến tặng và các nguồn huy động hợp pháp khác để xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn chỉ được sử dụng cho mục đích phục vụ lợi ích của cộng đồng, không được chia hoặc sử dụng cho các mục đích khác.

d) Công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung tuân thủ theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác liên quan.

đ) Các hộ gia đình được hỗ trợ thiết bị xử lý nước phải tự vận hành, sửa chữa đảm bảo công trình hoạt động hiệu quả, không được mua bán, trao đổi, cho, tặng dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 4. Trình tự triển khai các dự án cấp nước sạch nông thôn

1. Các dự án cấp nước sạch nông thôn được Thành phố giao cho tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư và quản lý, khai thác: Việc triển khai thực hiện theo chính sách hỗ trợ sau đầu tư của Thành phố; thủ tục triển khai thực hiện theo trình tự triển khai thực hiện đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước quy định tại Điều 15 Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND thành phố Hà Nội quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1.1. Xác định nhà đầu tư thực hiện dự án:

a) Lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án cấp nước sạch nông thôn để lựa chọn nhà đầu tư;

b) Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án cấp nước sạch nông thôn.

1.2. Chuẩn bị đầu tư:

a) Lập dự án đầu tư;

b) Đăng ký/cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

- c) Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư;
- d) Cấp Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

1.3. Thực hiện đầu tư:

- a) Thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán;
- b) Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường;
- c) Giao, cho thuê đất để thực hiện dự án;
- d) Thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; giải phóng mặt bằng;
- đ) Cấp Giấy phép xây dựng;
- e) Lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án;
- g) Xây dựng công trình.

1.4. Nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng và thực hiện bảo hành, bảo trì.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố ưu tiên xem xét áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư đối với các dự án cấp nước sạch nông thôn đầu tư dở dang hoặc đã xuống cấp ngừng hoạt động trên địa bàn Thành phố để sớm đưa các công trình vào hoạt động. Các tổ chức, cá nhân được ưu tiên xem xét áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư phải có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp, có đủ năng lực tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm, đã và đang đầu tư, quản lý, kinh doanh, vận hành các dự án nước sạch có quy mô lớn hơn hoặc bằng quy mô các dự án đề nghị áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư. Trường hợp có 2 nhà đầu tư cùng đăng ký tham gia đầu tư 1 dự án, việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND thành phố Hà Nội.

3. Các tổ chức, cá nhân khi triển khai dự án đầu tư cấp nước sạch nông thôn sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Chương III Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND thành phố Hà Nội.

4. Việc cấp giấy xác nhận ưu đãi đầu tư các dự án cấp nước sạch nông thôn thực hiện theo Thông tư số 06/TT-BKHĐT ngày 06/04/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp “Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ” và các quy định của các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

5. Các dự án cấp nước sạch nông thôn do các cơ quan nhà nước (Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã; các xã, phường, thị trấn) làm chủ đầu tư trong giai đoạn đầu tư xây dựng:

- Việc triển khai thực hiện theo trình tự thủ tục đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội quy định tại Chương 2 Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND Thành phố và các quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư các dự án cấp nước sạch nông thôn. Thẩm quyền quản lý và đầu tư công trình thực hiện theo phân cấp quản lý kinh tế xã hội quy định tại Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 26/02/2014 UBND thành phố Hà Nội.

- Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền quản lý và đầu tư của UBND cấp huyện, cấp xã theo phân cấp nhưng địa phương không tự cân đối được ngân sách để thực hiện dự án và có nhu cầu được hỗ trợ sau đầu tư từ ngân sách Thành phố theo chính sách hiện hành của thành phố Hà Nội thì UBND cấp huyện, cấp xã phải thực hiện thủ tục thẩm tra nguồn vốn, hạn mức hỗ trợ và khả năng cân đối ngân sách Thành phố trước khi quyết định đầu tư dự án theo các quy định hiện hành. Việc hỗ trợ cho các địa phương (nếu có) sẽ được thực hiện sau khi công trình hoàn thành xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng.

Điều 5. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với việc xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trạm cấp nước sạch khu vực nông thôn

Các tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này khi đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trạm cấp nước sạch khu vực nông thôn được hưởng:

1. Ưu đãi về đất đai:

a) Được hưởng các chính sách ưu đãi về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Trình tự, thủ tục hồ sơ để được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện theo Mục 2 Chương 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

c) Thủ tục được miễn tiền sử dụng đất và thuê đất thực hiện theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

2. Ưu đãi về thuế:

Các tổ chức, cá nhân có thu nhập từ hoạt động quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn được áp dụng ưu đãi về thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Ưu đãi trong huy động vốn:

a) Được vay vốn tín dụng ưu đãi theo quy định hiện hành của Chính phủ, được vay vốn từ Quỹ Đầu tư phát triển của Thành phố theo quy định của điều lệ Quỹ.

b) Được ưu tiên vay lại từ nguồn vốn của các tổ chức quốc tế cho Chính phủ Việt Nam vay ưu đãi.

4. Hỗ trợ về vốn:

a) Được hưởng mức hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Thành phố theo tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Hỗ trợ 90% đối với các xã vùng dân tộc và miền núi;
- Hỗ trợ 75% đối với các vùng gò đồi, trung du;
- Hỗ trợ 60% đối với vùng đồng bằng;
- Hỗ trợ 45% đối với vùng thị trấn.

(Danh sách phân vùng các xã trong phụ lục đính kèm).

Trường hợp số liệu quyết toán dự án hoàn thành được lập đúng quy định nhỏ hơn tổng dự toán được duyệt, mức hỗ trợ đầu tư từ ngân sách thực hiện theo số liệu quyết toán.

b) Các tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) phải hoàn trả ngân sách Thành phố phần kinh phí được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Nguồn vốn hoàn trả trích từ khấu hao tài sản hình thành sau đầu tư theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính. Việc hoàn trả ngân sách Thành phố thực hiện theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 14/8/2012 của UBND Thành phố quy định về quản lý, thu hồi vốn ngân sách Thành phố đầu tư tại các dự án cấp nước hoặc hạng mục cấp nước, hạng mục điện bản giao cho các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng sau đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

c) Đối với việc tiếp nhận các trạm cấp nước sạch nông thôn đã hoặc đang được đầu tư bằng ngân sách nhà nước:

- Trường hợp giá trị tài sản bàn giao lớn hơn mức hỗ trợ theo quy định tại mục a khoản 4 Điều này, Nhà đầu tư phải nộp lại ngân sách Thành phố phần chênh lệch;

- Trường hợp giá trị tài sản bàn giao nhỏ hơn mức hỗ trợ theo quy định tại mục a khoản 4 Điều này, Nhà đầu tư tiếp tục được hỗ trợ phần thiếu hụt đảm bảo tỷ lệ vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ;

- Nhà đầu tư phải hoàn trả ngân sách Thành phố phần kinh phí được hỗ trợ theo quy định tại mục b khoản 4 Điều này.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ:

- Nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư cấp nước sạch nông thôn lập 05 bộ hồ sơ (01 bộ chính và 04 bộ sao) đề nghị hỗ trợ sau đầu tư gồm:

- + Công văn đề nghị UBND Thành phố hỗ trợ đầu tư;
- + Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy xác nhận ưu đãi đầu tư (nếu chủ đầu tư không phải là cơ quan nhà nước);
- + Bản sao Quyết định giao (hoặc cho thuê) đất để thực hiện dự án của cấp có thẩm quyền;
- + Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng;
- + Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt;
- + Hồ sơ nghiệm thu khối lượng và giá trị công trình hoàn thành của Chủ đầu tư;
- + Hợp đồng ký kết, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa Chủ đầu tư với đơn vị xây lắp và cung cấp dịch vụ, các hóa đơn chứng từ hợp lệ có liên quan đến việc thi công xây dựng dự án.

Trường hợp Nhà đầu tư là các tổ hợp tác, tổ đội, cá nhân không có con dấu pháp nhân, ngoài các thủ tục hồ sơ nêu trên, khi lập dự án đầu tư và thực hiện các thủ tục hỗ trợ sau đầu tư thì hồ sơ trình duyệt phải do đơn vị tư vấn có năng lực và tư cách pháp nhân lập và có xác nhận của UBND cấp xã – nơi triển khai dự án đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ vốn đầu tư của Nhà đầu tư; chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Quỹ Đầu tư phát triển và UBND cấp huyện nơi triển khai dự án thẩm định trình UBND Thành phố về: Mức vốn hỗ trợ; thời gian hoàn trả, mức hoàn trả hàng năm, năm bắt đầu hoàn trả.

Thời gian kiểm tra: 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, trong đó thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định mức hỗ trợ đầu tư tối đa là 15 ngày làm việc, thời gian các đơn vị tham gia ý kiến và trình UBND Thành phố phê duyệt tối đa là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án.

5. Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, vận hành, khai thác các công trình cấp nước nông thôn: Nhà đầu tư được ngân sách Thành phố chi trả các khoản hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

Điều 6. Hỗ trợ xử lý nước sạch hộ gia đình nông thôn

1. Ngân sách Thành phố hỗ trợ toàn bộ giá trị thiết bị xử lý nước chế tạo sẵn theo dự án được UBND Thành phố phê duyệt (công suất thiết bị từ 300-500

lít/giờ), nhưng không quá 70% tổng giá trị công trình cấp nước mẫu đối với các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, không quá 35% tổng giá trị công trình cấp nước mẫu đối với hộ cận nghèo tại các khu vực có nguồn nước bị ô nhiễm nặng và chưa đủ điều kiện xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung trước năm 2020 theo quy hoạch.

Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm xây dựng thiết kế mẫu và dự toán các công trình cấp nước nhỏ lẻ này cho từng loại hình công trình cấp nước, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội từng vùng, trình UBND Thành phố phê duyệt.

2. Phương thức thực hiện: Hỗ trợ cho hộ gia đình theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và triển khai thực hiện việc hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định tại Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND thành phố Hà Nội.

3. Trình tự thực hiện:

a) Hàng năm, UBND các xã căn cứ vào đối tượng tại khoản 2 Điều 2 Quy định này lập danh sách các đối tượng cần hỗ trợ gửi UBND huyện tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định nhu cầu và xây dựng kế hoạch gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cân đối nguồn vốn thực hiện, báo cáo UBND Thành phố giao chỉ tiêu kinh tế xã hội và dự toán chi ngân sách hàng năm.

b) Căn cứ kế hoạch vốn được giao và nhu cầu hỗ trợ của các huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư theo quy định, thông báo chỉ tiêu số lượng các đối tượng được hỗ trợ cho từng huyện.

c) UBND các huyện thông báo chỉ tiêu số lượng các đối tượng được hỗ trợ cho từng xã. Trên cơ sở chỉ tiêu được giao, UBND các xã tổ chức bình xét, lập danh sách thống kê các hộ thuộc diện được hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên tại địa phương, đảm bảo đúng đối tượng, trình UBND huyện thẩm định. Hồ sơ gồm:

- Danh sách các hộ thuộc đối tượng hỗ trợ do UBND xã lập;
- Cam kết của các hộ dân thuộc đối tượng hỗ trợ theo danh sách.

Điều 7. Hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn

1. Đối với đơn vị cấp nước: Đơn vị cung cấp nước sạch căn cứ nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch tại Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên Bộ Tài chính – Xây dựng – Nông nghiệp và PTNT và kế hoạch cấp nước thực tế, xây dựng phương án giá bán nước sạch báo cáo Sở Tài chính chủ trì cùng Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt. Trường hợp phương án giá bán nước sạch do UBND thành phố Hà Nội phê duyệt thấp hơn phương án giá bán nước sạch được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành thì hằng năm UBND Thành phố xem xét cấp bù từ ngân sách Thành phố để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước.

2. Đối với các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số khi bắt đầu sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước sạch tập trung: Được Thành phố hỗ trợ 60% giá nước sạch trong năm đầu tiên và 30% giá nước sạch trong năm thứ hai, số lượng nước sạch được hỗ trợ bù giá tối đa không quá 04m³/người/tháng.

3. Phương thức thực hiện: Ngân sách Thành phố hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, đơn vị cung cấp nước sạch theo hóa đơn sử dụng nước thực tế. Hỗ trợ bù giá được thực hiện 02 kỳ/năm.

4. Lập dự toán bù giá nước sạch:

a) Lập dự toán năm: Hàng năm, các tổ chức, đơn vị cung cấp nước sạch lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu kinh phí dự toán cung cấp nước sạch năm sau theo sản lượng kế hoạch thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, tổng hợp dự toán trợ giá gửi Sở Tài chính đề tổng hợp vào dự toán ngân sách chung trình UBND Thành phố phê duyệt.

b) Lập dự toán 6 tháng: Sau khi UBND Thành phố quyết định giao dự toán ngân sách (kinh phí điều hành tập trung các khoản trợ giá của ngân sách Thành phố), các tổ chức, đơn vị lập dự toán cả năm chia làm 02 kỳ (6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm) gửi Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét phê duyệt. Hồ sơ dự toán được duyệt gửi về Sở Tài chính trước ngày 15/01 năm sau.

Dự toán bù giá nước sạch gồm các chỉ tiêu sau:

- Sản lượng nước sạch mua, bán (có phân loại theo đối tượng khách hàng tiêu dùng);

- Doanh thu và chi phí;

- Tổng chi phí bù giá cả năm chia làm 2 đợt (6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm);

- Thuyết minh về căn cứ tính toán, sản lượng, chi phí, mức bù giá và biến động tăng, giảm so với thực hiện năm trước.

Căn cứ dự toán được phê duyệt, định kỳ hàng quý các doanh nghiệp báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT về tiến độ mua bán nước sạch để tổ chức thực hiện việc giám sát, nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện.

5. Nghiệm thu, giám sát thực hiện: Căn cứ dự toán được duyệt và báo cáo tiến độ thực hiện của các doanh nghiệp mua, bán nước sạch. Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tổ chức thẩm tra, lập biên bản xác nhận khối lượng và mức kinh phí hỗ trợ giá của các doanh nghiệp đã thực hiện theo từng giai đoạn.

6. Lập hồ sơ quyết toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán:

a) Quyết toán 6 tháng đầu năm: Sau khi có kết quả nghiệm thu 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm, các tổ chức, đơn vị cung cấp nước sạch phải lập hồ sơ quyết toán bù giá. Thời gian lập hồ sơ quyết toán nộp Sở Nông nghiệp và PTNT

thẩm định phê duyệt, chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm.

Hồ sơ quyết toán bù giá nước sạch 6 tháng gồm:

- (1) Dự toán bù giá nước sạch được Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt;
- (2) Công văn đề nghị phê duyệt quyết toán của đơn vị;
- (3) Danh sách mã số của khách hàng của Công ty, hóa đơn theo quy định;
- (4) Biên bản xác nhận của Liên ngành về khối lượng và kinh phí;
- (5) Giấy chứng nhận kiểm định, đánh giá chất lượng nước sạch theo quy định;
- (6) Báo cáo quyết toán khối lượng, giá trị thực hiện 6 tháng và thuyết minh chi tiết số liệu quyết toán;
- (7) Công văn đề nghị cấp phát kinh phí của Sở Nông nghiệp và PTNT.

(Hồ sơ gồm 02 bộ: Từ mục số 1 đến mục 6 gửi Sở Nông nghiệp; Từ mục 1 đến số 7 gửi Sở Tài chính).

b) Quyết toán năm: Tổng hợp quyết toán cả năm trên cơ sở quyết toán 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm được phê duyệt. Khi lập quyết toán 6 tháng cuối năm các tổ chức, đơn vị cung cấp nước sạch tổng hợp số liệu quyết toán bù giá 6 tháng đầu năm đã được duyệt. Quyết toán 6 tháng cuối năm gửi Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài chính chậm nhất vào ngày 15/01 năm sau để thẩm định và phê duyệt.

7. Cấp tạm ứng và thanh toán bù giá nước sạch:

Sở Tài chính cấp kinh phí bù giá bằng hình thức Lệnh chi tiền từ nguồn kinh phí điều hành tập trung trong dự toán ngân sách Thành phố hàng năm cho doanh nghiệp được bù giá tối đa không quá 50% trên tổng dự toán trợ giá 6 tháng được duyệt, còn lại 50% cấp nốt sau khi quyết toán 6 tháng cuối năm được duyệt. Trước khi thực hiện tạm ứng và thu hồi kinh phí đã tạm ứng, doanh nghiệp cung cấp các tài liệu sau:

- a) Dự toán bù giá nước sạch được Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt;
- b) Công văn đề nghị của đơn vị có xác nhận của Liên ngành về khối lượng và kinh phí.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan

1. Sở Nông nghiệp và PTNT:

a) Cung cấp các thông tin về quy hoạch nước sạch nông thôn trên địa bàn Thành phố; đề xuất, điều chỉnh bổ sung quy hoạch cấp nước sạch nông thôn phù

hợp với yêu cầu thực tế; phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền, thực hiện chính sách.

b) Chủ trì định kỳ hàng năm rà soát, đề xuất danh mục các công trình, dự án cấp nước sạch nông thôn phù hợp với quy hoạch nước sạch nông thôn trên địa bàn Thành phố cần đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp để cung cấp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố phê duyệt làm căn cứ để công bố danh mục kêu gọi đầu tư.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch nguồn vốn thực hiện chính sách hàng năm, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phê duyệt.

d) Chủ trì xem xét phương án giá nước sạch do các đơn vị cấp nước xây dựng gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình UBND Thành phố phê duyệt đơn giá bán nước sạch sinh hoạt đối với các trường hợp cấp nước sạch tại khu vực nông thôn không thuộc hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh của Thành phố.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan trình UBND Thành phố phê duyệt việc chuyển đổi đơn vị quản lý, vận hành, khai thác công trình cấp nước và hướng dẫn các tổ chức, đơn vị quản lý, vận hành, khai thác báo cáo kê khai theo quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

e) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thẩm định về khối lượng và xác định kinh phí thực hiện bù giá; hướng dẫn các đơn vị sản xuất và cung cấp nước sạch chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước; thẩm định, phê duyệt dự toán bù giá; hướng dẫn lập hồ sơ dự toán, quyết toán bù giá nước sạch.

g) Theo dõi, giám sát và quản lý chất lượng nước của các công trình cấp nước sạch; xử lý vi phạm chất lượng nước sạch theo thẩm quyền.

h) Kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện chính sách và đề xuất với UBND Thành phố xem xét điều chỉnh, bổ sung những nội dung chính sách không phù hợp trong quá trình thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Công bố các danh mục, công trình, dự án cấp nước sạch nông thôn để kêu gọi đầu tư.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành, UBND huyện, thị xã tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ đăng ký đầu tư, đăng ký chuyển đổi hình thức đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư các dự án cấp nước sạch nông thôn, cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy xác nhận ưu đãi đầu tư trước khi trình UBND Thành phố phê duyệt.

c) Chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Quỹ Đầu tư phát triển, các sở, ngành, đơn vị liên quan và UBND huyện, thị xã thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt hỗ trợ sau đầu tư theo quy định.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt giá trị còn lại của các công trình cấp nước sạch nông thôn đã được ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng khi chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân tiếp nhận quản lý, khai thác.

b) Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, các chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư, thủ tục thanh lý, bàn giao tài sản và quy trình thu hồi phần vốn nhà nước đã đầu tư vào công trình cấp nước sạch tập trung khi bàn giao cho các tổ chức, cá nhân tiếp nhận quản lý và đầu tư.

c) Chủ trì thẩm định đơn giá bán nước sạch sinh hoạt đối với các trường hợp cấp nước sạch tại khu vực nông thôn không thuộc hệ thống cấp nước tập trung quy mô lớn của Thành phố, trình UBND Thành phố phê duyệt.

d) Thẩm định phê duyệt quyết toán và cấp kinh phí bù giá cho các các tổ chức, đơn vị cấp nước sạch theo quy định; tổng hợp quyết toán chi bù giá vào ngân sách Thành phố; phối hợp với Sở nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, đơn vị liên quan thực hiện cung cấp nước sạch được bù giá theo dự toán được Thành phố giao.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

4. Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố:

a) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, quyết định cho vay đầu tư đối với dự án cấp nước sạch nông thôn theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; Thông tư số 139/2007/TT-BTC ngày 29/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; Điều lệ hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội và các văn bản khác có liên quan.

b) Theo dõi, thu hồi phần vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ đầu tư cho các dự án cấp nước sạch tập trung nông thôn theo quy định về quản lý, thu hồi vốn tại Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 14/8/2012 của UBND thành phố Hà Nội.

5. Các sở, ngành liên quan:

Các Sở: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Quy hoạch Kiến trúc, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Lao động Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ; Cục Thuế Hà Nội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp

với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

6. UBND các huyện, thị xã:

a) Tuyên truyền nội dung chính sách và phối hợp thực hiện trên địa bàn.

b) Chỉ đạo UBND các xã bố trí quỹ đất để xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn theo quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch nông thôn mới.

c) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Nhà đầu tư trong quá trình thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định của nhà nước.

d) Xác định giá trị tài sản còn lại của công trình cấp nước sạch tập trung đã xây dựng, đang xây dựng dở dang bằng nguồn ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt khi thực hiện bàn giao cho các tổ chức, cá nhân tiếp nhận để vận hành, đầu tư nâng cấp hoặc mở rộng công trình.

7. Các tổ chức, cá nhân cung cấp nước sạch nông thôn:

a) Tổ chức thực hiện tốt hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch đảm bảo khối lượng, chất lượng nước đúng quy định hiện hành của nhà nước.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đúng đắn, hợp pháp và bảo đảm cơ sở pháp lý về khối lượng, chất lượng, giá trị số liệu ghi trong dự toán, báo cáo quyết toán và các tài liệu khác của hồ sơ chứng từ.

c) Bảo đảm cung cấp nước cho khách hàng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng dịch vụ theo quy định.

d) Lập dự toán, quyết toán bù giá, ký hợp đồng mua bán nước sạch với người tiêu dùng theo đúng quy định của pháp luật.

đ) Đăng ký mã số sử dụng ngân sách và mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội.

e) Thực hiện các thủ tục rút kinh phí thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

g) Bồi thường thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước theo quy định của pháp luật và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

h) Hoàn trả phần ngân sách hỗ trợ và nộp vào ngân sách phần vượt quá mức quy định tại Điều 5 của Quy định này.

i) Xây dựng phương án giá nước sạch theo quy định tại Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên Bộ: Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và PTNT; báo cáo Sở Tài chính chủ trì cùng các sở, ngành liên quan thẩm định trình UBND Thành phố quyết định và phê duyệt.

j) Hàng năm xây dựng dự toán xin cấp bù giá nước gửi Sở Nông nghiệp và PTNT và đề nghị cấp bù giá nước theo Điều 7 của Quy định này.

k) Thực hiện báo cáo, hạch toán, khấu hao, bảo trì công trình theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

8. Kho bạc Nhà nước Hà Nội: Thực hiện thanh toán kịp thời cho các tổ chức, đơn vị theo đúng quy định hiện hành.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Định kỳ vào ngày 10/11 hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm báo cáo với UBND Thành phố về kết quả thực hiện Quy định này.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



PHỤ LỤC

Phân vùng danh sách các xã thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc và miền núi; các xã vùng gò đồi, trung du trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Kèm theo Quyết định số **32** /2014/QĐ-UBND ngày **04** tháng **8** năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Các xã vùng đồng bào dân tộc và miền núi (14 xã):

- Huyện Ba Vì (07 xã): Ba Trại, Ba Vì, Khánh Thượng, Minh Quang, Tản Lĩnh, Vân Hòa, Yên Bài;
- Huyện Thạch Thất (03 xã): Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung;
- Huyện Quốc Oai (02 xã) : Đông Xuân, Phú Mãn;
- Huyện Mỹ Đức (01 xã): An Phú;
- Huyện Chương Mỹ (01 xã): Trần Phú.

2. Các xã vùng gò đồi, trung du (44 xã):

- Huyện Sóc Sơn (05 xã): Hiền Ninh, Hồng Kỳ, Minh Trí, Phù Linh, Quang Tiến;
- Huyện Ba Vì (08 xã): Cẩm Lĩnh, Cam Thượng, Đồng Thái, Phú Sơn, Sơn Đà, Thái Hòa, Thụy An, Vật Lại;
- Huyện Quốc Oai (02 xã): Hòa Thạch, Phú Cát,;
- Huyện Thạch Thất (09 xã): Bình Yên, Cẩm Yên, Đồng Trúc, Hạ Bằng, Kim Quan, Lại Thượng, Phú Kim, Tân Xã, Thạch Hòa;
- Huyện Chương Mỹ (07 xã): Đông Phương Yên, Đông Sơn, Hữu Văn, Mỹ Lương, Tân Tiến, Thanh Bình, Thủy Xuân Tiên;
- Huyện Mỹ Đức (07 xã): An Tiến, Đồng Tâm, Hồng Sơn, Hùng Tiến, Hương Sơn, Thượng Lâm, Tuy Lai;
- Thị xã Sơn Tây (06 xã): Cổ Đông, Đường Lâm, Kim Sơn, Sơn Đông, Thanh Mỹ, Xuân Sơn.

3. Vùng đồng bằng (210 xã): là các xã không nằm trong quy hoạch đầu nổi nước đô thị:

- Huyện Ba Vì (15 xã): Châu Sơn, Chu Minh, Cổ Đô, Đông Quang, Minh Châu, Phong Vân, Phú Châu, Phú Cường, Phú Đông, Phú Phương, Tản Hồng, Thuần Mỹ, Tiên Phong, Tòng Bạt, Vạn Thắng;
- Huyện Chương Mỹ (16 xã): Đồng Phú, Hòa Chính, Hoàng Diệu, Hoàng Văn Thụ, Hồng Phong, Hợp Đồng, Lam Điền, Nam Phương Tiến, Phú Nam An, Quảng Bị, Tân Tiến, Thượng Vực, Tiên Phương, Tốt Động, Trung Hòa, Văn Võ;
- Huyện Đan Phượng (10 xã): Đan Phượng, Đồng Tháp, Liên Trung, Phương Đình, Song Phượng, Tân Hội, Thọ An, Thọ Xuân, Thượng Mỗ, Trung Châu;

- Huyện Đông Anh (13 xã): Bắc Hồng, Đại Mạch, Hải Bối, Kim Chung, Kim Nỗ, Mai Lâm, Nam Hồng, Tàm Xá, Tiên Dương, Vân Nội, Vĩnh Ngọc, Vồng La, Xuân Nộn;
- Huyện Quốc Oai (02 xã): Cộng Hòa, Tân Hòa;
- Huyện Gia Lâm (09 xã): Bát Tràng, Đa Tốn, Dương Xá, Kim Lan, Lê Chi, Ninh Hiệp, Phù Đổng, Yên Thường, Yên Viên;
- Huyện Mê Linh (08 xã): Chu Phan, Hoàng Kim, Liên Mạc, Thạch Đà, Tiên Thắng, Tiên Thịnh, Tự Lập, Vạn Yên;
- Huyện Mỹ Đức (11 xã): An Mỹ, Bốt Xuyên, Đại Hưng, Đốc Tín, Hợp Thanh, Hợp Tiến, Lê Thanh, Mỹ Thành, Phúc Lâm, Vạn Kim, Xuy Xá;
- Huyện Phú Xuyên (18 xã): Bạch Hạ, Châu Can, Chuyên Mỹ, Đại Thắng, Hồng Minh, Hồng Thái, Minh Tân, Nam Phong, Nam Triều, Phú Túc, Phúc Tiến, Phượng Dực, Quang Lãng, Thụy Phú, Tri Trung, Văn Hoàng, Văn Nhân, Văn Từ;
- Huyện Phúc Thọ (15 xã): Cẩm Đình, Hát Môn, Hiệp Thuận, Liên Hiệp, Long Xuyên, Phương Độ, Sen Chiêu, Tam Hiệp, Thanh Đa, Thượng Cốc, Vân Hà, Vân Nam, Vân Phúc, Vồng Xuyên, Xuân Phú;
- Huyện Sóc Sơn (13 xã): Bắc Phú, Bắc Sơn, Kim Lũ, Mai Đình, Minh Phú, Phù Lỗ, Tân Dân, Tân Hưng, Tân Minh, Tiên Dược, Trung Giã, Việt Long, Xuân Thu;
- Huyện Thạch Thất (06 xã): Bình Phú, Cần Kiệm, Chàng Sơn, Hữu Bằng, Phùng Xá, Thạch Xá;
- Huyện Thanh Oai (15 xã): Cao Dương, Cự Khê, Dân Hòa, Đỗ Động, Hồng Dương, Kim An, Kim Thư, Liên Châu, Phương Trung, Tam Hưng, Tân Ước, Thanh Mai, Thanh Thùy, Thanh Văn, Xuân Dương;
- Huyện Thanh Trì (14 xã): Đại Áng, Đông Mỹ, Duyên Hà, Hữu Hòa, Liên Ninh, Ngọc Hồi, Ngũ Hiệp, Tam Hiệp, Tân Triều, Thanh Liệt, Tứ Hiệp, Vạn Phúc, Vĩnh Quỳnh, Yên Mỹ;
- Huyện Thường Tín (20 xã): Dũng Tiến, Duyên Thái, Hà Hồi, Hồng Vân, Khánh Hà, Liên Phương, Nghiêm Xuyên, Nguyễn Trãi, Nhị Khê, Ninh Sở, Quất Động, Tân Minh, Thắng Lợi, Thư Phú, Tiên Phong, Tự Nhiên, Văn Bình, Văn Phú, Văn Tảo, Văn Tự;
- Huyện Ứng Hòa (25 xã): Cao Thành, Đại Cường, Đại Hùng, Đội Bình, Đông Lỗ, Đông Tâm, Hòa Lâm, Hòa Nam, Hòa Phú, Hoa Sơn, Hòa Xá, Hồng Quang, Kim Đường, Liên Bạt, Lưu Hoàng, Minh Đức, Phù Lưu, Phương Tú, Quảng Phú Cầu, Sơn Công, Trầm Lộng, Trung Tú, Trường Thịnh, Viên An, Viên Nội.